

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 22 - 11 - 2019.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly hôn,
nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Chi.
2. Bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là thư ký tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1982.

Nơi ĐKNKTT: 11/12 khu phố 5, phường TT 1, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: F3/27/11 đường QĐ, xã VL A, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 5, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa chị T1 có đơn xin xử vắng mặt, anh T2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T1 trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 kết hôn vào ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân phường TTN, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2003 vợ chồng đã sống chung với nhau tại thành phố Hồ Chí Minh

nhưng cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ những mâu thuẫn rất nhỏ. Mỗi lần cãi nhau anh T2 thường khóa trái cửa, đánh chị T1 không cho người khác can ngăn và cũng không cho chị T1 có cơ hội bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Hơn nữa anh T2 còn hay ghen tuông vô cớ, coi thường chị T1. Năm 2016 do việc làm ăn kinh tế của anh T2 không thuận lợi nên cả gia đình đã chuyển về quê của anh T2 ở xóm 4, ĐX, thành phố PL để sinh sống. Thời gian sinh sống tại gia đình nhà chồng, chị nhận thấy không phù hợp nên vợ chồng lại chuyển lên Hà Nội sinh sống. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi khiến chị cảm thấy quá áp lực và căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, hiện chị đã vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T2, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Lê Trọng P1, sinh ngày 03/11/2003, Nguyễn Lê Thành P2, sinh ngày 17/01/2007. Hiện nay hai cháu đang ở cùng ông bà ngoại và chị T1. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu anh T2 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1. Trường hợp nếu anh T2 có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì chị T1 cũng đồng ý giao cả hai con chung cho anh T2 chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T2.

Về con nuôi, con riêng: Không có. Hiện nay chị T1 xác định không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T1 không đề nghị tòa án giải quyết.

*** Phần trình bày của bị đơn anh Nguyễn Ngọc T2:**

- Về hôn nhân: về ngày, tháng, địa điểm, điều kiện kết hôn anh T2 công nhận lời khai của chị T1 là đúng.

Theo anh T2 sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc như các gia đình khác, đôi lúc vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và xúc phạm nhau nhưng anh T2 cho rằng đó là những mâu thuẫn nhỏ mà gia đình nào cũng có. Khi vợ chồng mới lấy nhau cả hai làm ăn và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, thời gian gần đây do làm ăn thua lỗ nên cả gia đình đã chuyển ra Bắc sinh sống. Tuy nhiên đến nay chị T1 đã chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống ly thân từ Tết năm 2019 đến nay. Trong thời gian này vợ chồng cũng chấm dứt quan hệ tình cảm. Đến nay, anh T2 xác định vẫn còn tình cảm với chị T1 và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh T2 công nhận vợ chồng có 02 con chung có tên tuổi, ngày tháng năm sinh như chị T1 khai là đúng. Nếu trong trường hợp vợ chồng ly hôn anh T2 có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T2.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Nguyện vọng của các con chung:***

- Nguyện vọng của cháu Nguyễn Lê Trọng P1: Khi ba mẹ ly hôn, cháu xin được ở với ông bà ngoại vì từ nhỏ đã ở cùng ông bà ngoại.

- Nguyện vọng của cháu Nguyễn Lê Thành P2: Khi ba mẹ ly hôn, cháu xin được ở với ông bà ngoại, vì trường học của cháu ở gần nhà ông bà ngoại.

*** *Quan điểm của chính quyền địa phương xã ĐX, thành phố Phủ Lý:*** Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, tài sản, công nợ của vợ chồng chị Lê Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã khai tại tòa.

Anh T2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh Thúy. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Ngọc T2.

Về con chung: Giao chị Lê Thị Thanh T1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Lê Thành P2, sinh ngày 17/01/2007;

giao anh Nguyễn Ngọc T2 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Lê Trọng P1, sinh ngày 03/11/2003 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T1 phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T2 hiện đang cư trú tại thôn 5, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, nên vụ án: “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Lê Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TTN, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 02 năm 2008 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 đã chung sống với nhau từ năm 2003 và có với nhau hai con chung, đến năm 2008 anh, chị mới đi đăng ký kết hôn cho thấy thời gian đầu anh chị đã xác định xây dựng gia đình lâu bền. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai đã không biết thông cảm và động viên nhau cùng khắc phục nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T1 cho rằng chị chưa khi nào cảm thấy thoải mái hay hạnh phúc vì luôn chịu những áp lực, đe dọa từ phía anh T2. Do cuộc sống hôn nhân bế tắc nên từ Tết năm 2019 chị T1 đã bỏ về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và sống ly thân với anh T2 từ đó đến nay. Về phía anh T2 cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T1 và mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên, mặc dù anh T2 xác định vẫn còn tình cảm nhưng không đưa ra được giải pháp khắc phục những bất đồng giữa hai vợ chồng để hàn gắn tình cảm. Hiện nay anh T2 và chị T1 đã sống mỗi người một nơi, vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó. Hội đồng xét xử thấy không thể kéo dài tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 vì mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết ly hôn giữa chị T1 và anh T2 theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Lê Trọng P1, sinh ngày 03/11/2003 và Nguyễn Lê Thành P2, sinh ngày 17/01/2007. Khi vợ chồng ly hôn, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các con chung, đồng thời đảm bảo quyền và trách nhiệm của cả bố và mẹ đối với con chung. Cháu Nguyễn Lê Trọng P1 và cháu Nguyễn Lê Thành P2 đều là con trai, tuy nhiên cháu P2 còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do vậy, cần giao cháu P1 cho anh Nguyễn Ngọc T2 trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, giao cháu P2 cho chị Lê Thị Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu và phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T1 và anh T2 đều trực tiếp nuôi dưỡng

con chung, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về con nuôi, con riêng cả chị T1 và anh T2 đều thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị T1 phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Ngọc T2.

2/ Về con chung: Giao chị Lê Thị Thanh T1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Lê Thành P2, sinh ngày 17/01/2007 cho đến khi cháu P2 đủ 18 tuổi; giao anh Nguyễn Ngọc T2 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Lê Trọng P1, sinh ngày 03/11/2003 cho đến khi cháu P1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3/ Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị T1 được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002203 ngày 04/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường TTN, quận 12, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên